

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 23-3-2021

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thiều Thị Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đ;
2. Ông Mai Văn Tự.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1964; địa chỉ: ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm: 1968; địa chỉ: Tổ 10, ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.1. Bà Đỗ Thị L sinh năm: 1958; địa chỉ: Ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2.2. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm: 1967; địa chỉ: Ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3.3. Bà Đỗ Túy P, sinh năm: 1969; địa chỉ: Ấp Khởi Hà, xã Cầu Khởi, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

4.4. Anh Đỗ Phước T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

5.5. Anh Đỗ Quý L, sinh năm: 1973; địa chỉ: Ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6.6. Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

7.7. Chị Đỗ Thị Mộng N, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp Phước Tân 1, xã Phan, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI D VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-7-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:*

Cha ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1930, chết năm 2003 (chết không để lại di chúc) và mẹ tên Nguyễn Thị V, sinh năm: 1941 chết năm 2016 ( chết để lại di chúc) ông B và bà V sinh được 09 người con gồm Đỗ Thị sinh năm: 1958; Đỗ Văn H, sinh năm: 1964; Đỗ Thị Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị D, sinh năm: 1968; Đỗ Túy P, sinh năm: 1969, Đỗ Phước T, sinh năm: 1972, Đỗ Quý L, sinh năm: 1973, Đỗ Thị T, sinh năm: 1975; Đỗ Thị Mộng N, sinh năm: 1978. Ông B và bà V chỉ có duy nhất 09 người con, không có con riêng và con nuôi.

Về tài sản chung của ông B và bà V tạo dựng được sau khi đã cho các con còn lại phần đất có diện tích 414,8m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế còn lại là 380,1m<sup>2</sup>), thửa đất số 150, tờ bản đồ số 44, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn B đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 chữ L (diện tích đo đạc thực tế 165,7 m<sup>2</sup>) nhà và đất tọa lạc tại ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh. Toàn bộ nhà và đất trên hiện do bà Đỗ Thị D đang quản lý và sử dụng thờ cúng cha mẹ. Ông yêu cầu chia di sản thừa kế nêu trên, nhận T trị giá là 200.000.000 đồng.

Sau khi công bố bản di chúc của bà V để lại ngày 07/10/2014 lập tại văn phòng công chứng Tây Ninh số: 7723, quyển số 12. TP/ CC- SCC/ HĐGD, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện thống nhất chia theo tờ di chúc, phần của bà D được hưởng theo di chúc trừ ra còn lại chia đều cho các anh chị em, ông có nguyện vọng nhận T không nhận đất.

**Bị đơn bà Đỗ Thị D trình bày:** Bà thừa nhận toàn bộ lời trình bày của ông H về họ tên cha mẹ, năm sinh năm mất và các anh chị em trong gia đình, T sản chung của ông B và bà V để lại đúng như ông H trình bày tuy nhiên đối với T sản của ông B và bà V để lại bà yêu cầu thực hiện theo di chúc vì khi bà V chết có để lại tờ di chúc lập ngày 07/10/2014 giao cho bà giữ, bà xác định chỉ có duy nhất tờ chúc lập ngày 07/10/2014 tại văn phòng công chứng Tây Ninh số 7723, Quyển số 12. TP/CC- SCC/HĐGD này ngoài ra không còn tờ di chúc nào khác.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B và bà V để lại bà yêu cầu thực hiện theo di chúc và đồng ý chia cho các đồng thừa kế phần di

sản không theo di chúc, bà có nguyện vọng nhận T sản đồng ý giao lại T cho các đồng thừa kế theo giá trị đã thẩm định.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị Đ; bà Đỗ Túy P, anh Đỗ Phước T, anh Đỗ Quý L, chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị Mộng N trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông H, bà D về họ tên cha mẹ năm sinh, năm mất, các anh chị em trong gia đình, cha mẹ chết có để lại phần đất diện tích 414,8m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế còn lại là 380,1m<sup>2</sup>) thửa đất số 150, tờ bản đồ số 44, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn B đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4 chữ L (diện tích nhà đo đạc thực tế 165,7 m<sup>2</sup> nhà và đất tọa lạc tại ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với bản di chúc lập ngày 07/10/2014 số 7723, Quyền số 12. TP/CC- SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Tây Ninh và thực hiện chia di sản thừa kế theo bản di chúc đã được công bố.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 73/SĐ-HT ngày 03-11-2020 thống nhất diện tích đất đo đạc thực tế còn lại 380.1m<sup>2</sup> và diện tích nhà đo đạc là 165,7 m<sup>2</sup>.

Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín kết luận: Quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 380.1m<sup>2</sup>, thửa 150 (thửa đất mới 734,735), tờ bản đồ số 44; tọa lạc tại ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trị giá 1.976.520.000 đồng, diện tích đo đạc thực tế nhà 165.7 m<sup>2</sup> trị giá 328.086.000 đồng các đương sự thống nhất.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nộiD, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nộiD: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H đối với bàD về việc “ Tranh chấp chia di sản thừa kế”; Chia thừa kế của ông Bì và bà V theo quy định của pháp luật sau khi trừ phần thừa kế của bàD được hưởng theo di chúc.

Về án phí; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ; T liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về Tố tụng: Anh L và chị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh L và chị N theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn B, Nguyễn Thị V theo pháp luật. Do cụ Nguyễn Thị V có để lại di chúc vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc và pháp luật được quy định tại Điều 624, 649 của Bộ luật dân sự.

[3] Về hàng thừa kế:

Các bên đều thống nhất ông Bì và bà V có 09 người con chung gồm: Đỗ Thị L sinh năm: 1958; Đỗ Văn H, sinh năm: 1964; Đỗ Thị Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị D, sinh năm: 1968; Đỗ Túy P, sinh năm: 1969, Đỗ Phước T, sinh năm: 1972, Đỗ Quý L, sinh năm: 1973, Đỗ Thị T, sinh năm: 1975; Đỗ Thị Mộng N, sinh năm: 1978, ngoài ra không có bất cứ người con nuôi, con riêng nào khác nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà V gồm: ông H, bà D, bà L bà Đ, bà P, anh L, anh T, chị T và chị N.

[4] Xác định di sản thừa kế:

Năm 2003 ông B chết, không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông B theo quy định Điều 676 của Bộ luật dân sự 2005 gồm có bà V và các con chung gồm: ông H, bà D, bà L, bà Đ, bà P, anh L, anh T, chị T và chị N.

Năm 2016 bà V chết có để lại tờ di chúc lập ngày 07/10/2014 số 7723, Quyển số 12. TP/CC- SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Tây Ninh T sản của ông B và bà V để lại là phần đất có diện tích 414,8m<sup>2</sup> thửa đất số 150, (thửa đất mới 734,735) tờ bản đồ số 44, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn B đứng tên nội dung... *“bà V đồng ý để lại di sản trên để chuyển giao phần tài sản mà Tôi được nhận sau khi chia di sản thừa kế của chồng tôi là ông : Đỗ Văn B và phần tài sản riêng của Tôi trong phần tài sản chung của vợ chồng tôi, cho con gái có tên là Đỗ Thị D”*.

Các bên thống nhất trên đất có căn nhà cấp 4 do ông B và bà V xây dựng, nhà không được cấp Giấy chứng nhận sở hữu sau khi ông B chết nhà do bà V và bà D quản lý, sử dụng. Năm 2016 bà V chết có để lại di chúc, bà V không nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác, sau khi bà V chết bà D và anh L có tôn tạo nâng cấp nhà như hiện trạng đo đạc thực tế thống nhất giá trị đã thẩm định và đồng ý chia theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ Điều 612 của Bộ luật dân sự 2015 xác định chia di sản thừa kế do ông B và bà V để lại gồm: phần đất 414,8m<sup>2</sup>(đo đạc thực tế còn lại là 380,1m<sup>2</sup>), thửa đất số 150, tờ bản đồ số 44, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn B đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4 chữ L, diện tích nhà đo đạc thực tế 165,7 m<sup>2</sup>.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H thấy rằng: Di sản thừa kế của ông B và bà V thống nhất để lại phần đất 414,8m<sup>2</sup>(đo đạc thực tế còn lại là 380,1m<sup>2</sup>), thửa đất số 150 (thửa đất mới 734,735), tờ bản đồ số 44, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn B đứng tên trên đất có 01 căn tường cấp 4 chữ L, diện tích đo đạc thực tế 165,7 m<sup>2</sup>.

Các đương sự thống nhất thực hiện theo tờ di chúc lập ngày 07-10-2014, phần của ông B thống nhất chia đều cho các đồng thừa kế gồm có 10 người: bà V, bà L, ông H, bà Đ, bà D, bà Phượng, anh T, anh L, chị T, chị N sau khi trừ phần thực hiện theo di chúc cụ thể diện tích 414,8 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 380,1m<sup>2</sup>), thửa đất số 150 (thửa đất mới 734,735), tờ bản đồ số 44 trị giá 1.976.520.000 đồng chia đôi theo di chúc là 988.260.000 đồng (bà D được hưởng phần di sản của bà V tặng cho theo di chúc lập ngày 07/10/2014).

Như vậy, những người được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Đỗ Văn B cụ thể: 988.260.000/10 người = 98.826.000 đồng (đối với tài sản là quyền sử dụng đất).

Đối với diện tích nhà đo đạc thực tế 165.7 m<sup>2</sup> trị giá 328.086.000 đồng chưa được định đoạt theo di chúc các đương sự thống nhất chia cho các đồng thừa kế cụ thể 328.086.000 đồng/9 người con, mỗi kỷ phần là 36.454.000 đồng

Như vậy mỗi đồng thừa kế được hưởng di sản cụ thể 98.826.000 đồng + 36.454.000 đồng = 135.280.000 đồng.

Bà L, bà Đ, anh T có đơn từ chối di sản và tặng cho toàn bộ kỷ phần được nhận cho bàD nên ghi nhận.

Phần di sản của bà D được hưởng là : 988.260.000 đồng ( phần bà V tặng cho theo di chúc) + 135.280.000 đồng + 98.826.000 đồng (phần bà V được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông B tặng cho) + 405.840.000 đồng (phần của bà L, Đ, anh T tặng cho lại bà D), như vậy bà D được hưởng di sản thừa kế trị giá 1.628.206.000 đồng.

Hiện nay toàn bộ nhà và đất nêu trên do bàD đang quản lý, thờ cúng cha mẹ do vậy giao hiện vật cho bà D được sở hữu toàn bộ nhà và đất nêu trên, bàD có trách nhiệm giao lại cho các đồng thừa kế là ông H, bà Phượng, chị T, chị N, anh L mỗi người một kỷ phần trị giá 135.280.000 đồng.

BàD có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định của luật Đất đai.

[6] Các chi phí tố tụng khác:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông H tự nguyện chịu: 1.000.000 đồng.

Về chi phí đo đạc theo hợp đồng số 73 HĐ-ĐĐ ngày 05-10-2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu Thuận Thiên Phát là 16.500.000 đồng, chi phí thẩm định giá theo hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín ngày 05-10-2020 là 6.600.000 đồng,

tổng cộng là 23.100.000 đồng, theo quy định tại các điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Bà L, bà Đ, anh T đã tặng di sản cho bà D nên không phải chịu.

Ông H, bà D, bà Phượng, anh L, chị T, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Ông H, bà Phượng, anh L, chị T, chị N mỗi người phải chịu: 1.283.000 đồng.

Bà D phải chịu: 16.685.000 đồng.

Ông H đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định giá nên bà D, bà Phượng, anh L, chị T, chị N phải trả lại cho ông H.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật sau khi trừ phần được hưởng di sản theo di chúc. Án phí buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tương ứng với giá trị T sản được hưởng theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà Đỗ Thị L sinh năm: 1958 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H, bà P, chị T, chị N, anh L mỗi người phải chịu: 135.280.000 đồng x 5% = 6.764.000 đồng.

Bà L, bà Đ, anh T từ chối nhận di sản tự nguyện giao các kỹ phần thừa kế cho bà D được hưởng nên không phải chịu tiền án phí; bà D phải chịu án phí cụ thể 1.628.206.000 đồng - 135.280.000 đồng (phần bà L không phải chịu án phí; do vậy bà D phải chịu: 1.492.926.000 đồng (36.000.000 + 3% x 692.926.000) đồng = 56.787.780 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 611, 612, 613, 620, 623, 624, 625, 630, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 35, 36, 147, 157, 165, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H đối với bà Đỗ Thị D về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Bà Đỗ Thị D có trách nhiệm giao cho ông Đỗ Văn H, bà Đỗ Túy P, anh Đỗ Quý L, chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị Mộng N mỗi người được hưởng kỷ phần tính giá trị bằng tiền là 135.280.000 đồng .

Bà Đỗ Thị D được hưởng phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 414,8 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 380,1m<sup>2</sup>), thửa đất số 150 (thửa đất mới 734,735), tờ bản đồ số 44 và căn nhà cấp 4 chữ L trên đất, giá trị sử dụng còn lại 60% có diện tích sàn 165.7 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nhà và đất hiện bà D đang quản lý, sử dụng). Phần di sản bà D được hưởng trị giá là: 2.304.606.000 đồng (*Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản T, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm :

Ông Đỗ Văn H phải chịu 6.764.000 (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo Bên lai thu số 0004937 ngày 07-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh; ông H còn phải nộp thêm là 1.764.000 đồng

Bà P, anh L, chị T, chị N mỗi người phải chịu: 6.764.000 (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Bà L, bà Đ, anh T không phải chịu án phí.

Bà D phải chịu: 56.787.780 (năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng.

4. Các chi phí tố tụng khác:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông H tự nguyện chịu: 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về chi phí đo đạc 23.100.000 đồng, ông H đã tạm nộp.

Bà P, anh L, chị T, chị N mỗi người phải hoàn trả cho ông H: 1.283.000 đồng.

Bà D phải hoàn trả cho ông H 16.685.000 đồng.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CCTHA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Thiều Thị Phụng**